Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị của Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam
Nghiệp Vụ Bảo Hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

AN THỊNH ĐẦU TƯ

BẢO VỆ TÀI CHÍNH

- Nhận **3.000.000.000 đồng** cộng Giá trị quỹ hợp đồng khi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- Nhận thêm **600.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn.
- **Lên đến 30.000.000 đồng** Chu toàn hậu sự khi tử vong.

ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ

- **Hưởng kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị với tỷ suất tiềm năng trong dài hạn.**
- Cơ hội đầu tư vào các **cổ phiếu chất lượng hàng đầu.**
- **Quản lý Quỹ bởi chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm.**
- **Chủ động đầu tư** với quyền Chuyển đổi Quỹ và Linh hoạt đóng phí.

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN

Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)

Công cụ tính phí - Xây dựng kế hoạch bảo hiểm

Thông tin của Quỹ liên kết đơn vị

Ứng dụng **Dai-ichi Connect** hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1
Fax: (028) 3997 3000 Website: *https://dai-ichi-life.com.vn* Email: *customer.services@dai-ichi-life.com.vn*

TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	**BMBH**	NGUYỄN VĂN A	Nam	30	1
Người được bảo hiểm chính	**NĐBH.1**	NGUYỄN VĂN A	Nam	30	1

THÔNG TIN CHUNG

Sản phẩm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến *(1)* (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính				
NĐBH.1 - NGUYỄN VĂN A				
Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư	69	20	3.000.000.000	45.000.000
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ				
NĐBH.1 - NGUYỄN VĂN A				
BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 *(3)(4)*	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm		5.670.000
- *Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng*				5.670.000
BH Hỗ Trợ Viện Phí *(3)*	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	500.000	1.125.000
BH Tai Nạn Cao Cấp	45	20	500.000.000	1.600.000
BH Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	25	20	500.000.000	2.575.000

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng

Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	**55.970.000**	**27.985.000**	**13.992.600**
● Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Thịnh Đầu Tư	45.000.000	22.500.000	11.250.000
● Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	10.970.000	5.485.000	2.742.600
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	**4.030.000**		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ *(2)*	**60.000.000**		

Ghi chú:

(1) Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể linh hoạt đóng phí từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Giá trị quỹ hợp đồng vẫn còn đủ để thanh toán các Khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có).

(2) Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm của những năm sau được minh họa ở trang "Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm hàng năm".

(3) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm hàng năm ở trang "Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm hàng năm". Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

(4) Phí bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 sẽ không phân bổ vào Giá trị quỹ hợp đồng. Khách hàng cần duy trì đóng phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ (BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7) trong suốt thời hạn bảo hiểm của các sản phẩm này. Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ hoặc khi sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Trương Thị Thu Lụa Mã số đại lý: 232508

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Bảo vệ sức khỏe cho bạn và gia đình trên toàn thế giới

- **Chi phí hợp lý, bảo vệ toàn cầu với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm.**
- **Chi trả lên đến 2 tỷ đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.**
- **Chi trả chi phí Điều trị ung thư bao gồm cả liệu pháp miễn dịch và trúng đích.**
- **Chi trả chi phí Tiền phòng và Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt lên đến 100 ngày/năm cho mỗi Bệnh/Thương tật.**

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÔNG TIN

Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)

Danh sách cơ sở y tế bảo lãnh viện phí tại Việt Nam và nước ngoài

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

HỌ VÀ TÊN	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	THỜI HẠN BẢO HIỂM	PHÍ BẢO HIỂM
NGUYỄN VĂN A	**30**	Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 75 tuổi	**5.670.000 đồng**
Tổng phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 trong Hợp đồng bảo hiểm:				**5.670.000 đồng**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm
1	5.670
2	6.110
3	6.110
4	6.110
5	6.110
6	6.110
7	6.580
8	6.580
9	6.580
10	6.580
11	6.580
12	7.040
13	7.040
14	7.040
15	7.040
16	7.040
17	8.140
18	8.140
19	8.140
20	8.140

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm
21	8.140
22	8.810
23	8.810
24	8.810
25	8.810
26	8.810
27	11.030
28	11.030
29	11.030
30	11.030
31	11.030
32	13.720
33	13.720
34	13.720
35	13.720
36	13.720
37	21.130
38	21.130
39	21.130
40	21.130

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm
41	21.130
42	29.660
43	29.660
44	29.660
45	29.660

Ghi chú:

Tổng phí bảo hiểm là tổng phí bảo hiểm Sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 của tất cả NĐBH, bao gồm Quyền lợi Điều trị nội trú, Quyền lợi Điều trị ngoại trú và Quyền lợi Chăm sóc răng (nếu Khách hàng có chọn lựa tham gia thêm).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Chi trả chi phí y tế của NĐBH. Chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

Đơn vị tính: đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Quyền lợi tối đa một Bệnh/Thương tật (áp dụng cho Quyền lợi Điều trị nội trú và Quyền lợi Điều trị ngoại trú)	**150.000.000**	**300.000.000**	**600.000.000**	**1.000.000.000**	**2.000.000.000**
	trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này				

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Toàn cầu				
Đồng chi trả	**30% hoặc 20% hoặc 0%** được ghi trên giấy Chứng nhận bảo hiểm.				
1. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ					
1.1. Chi phí Phẫu thuật nội trú					
a. Mỗi cuộc Phẫu thuật cho mỗi Bệnh/Thương tật	12.500.000	25.000.000	50.000.000	75.000.000	125.000.000
b. Mỗi Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	25.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000	250.000.000
1.2. Tiền phòng/Ngày nằm viện	750.000	1.500.000	2.500.000	3.000.000	6.000.000
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.3. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/Ngày nằm viện	1.050.000	2.100.000	3.150.000	5.250.000	Chi phí y tế thực tế
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.4. Tiền giường cho người thân/Ngày nằm viện *(khi chăm sóc Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)*	250.000	500.000	750.000	1.000.000	1.250.000
	Tối đa 10 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.5. Chi phí Điều dưỡng tại nhà/ngày	125.000	250.000	350.000	500.000	750.000
	Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.				
1.6. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.000.000	10.000.000

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
1.7. Chi phí Điều trị nội trú khác/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000
2. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ, ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY VÀ ĐIỀU TRỊ CẤP CỨU					
2.1. Phẫu thuật ngoại trú/Phẫu thuật trong ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	2.500.000	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.2. Chạy thận nhân tạo/Năm hợp đồng	Không áp dụng	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.3. Cấp cứu do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.050.000	2.100.000	5.250.000	10.500.000	15.000.000
2.4. Tổn thương răng do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	7.500.000	10.000.000
2.5. Chi phí xe cấp cứu/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	Chi phí y tế thực tế	
3. ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT *(bao gồm Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, Điều trị trong ngày)*					
3.1. Điều trị ung thư					
a. Chi phí điều trị hóa trị (tiêm và truyền) và xạ trị	Chi phí y tế thực tế				
b. Chi phí điều trị liệu pháp miễn dịch (tiêm và truyền) và trúng đích (tiêm và truyền)/Năm hợp đồng	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000
c. Chi phí Điều trị nội trú	Theo Mức giới hạn phụ của mục **1. Điều trị nội trú**				
3.2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm/cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	75.000.000	150.000.000	300.000.000	500.000.000	1.000.000.000
	Chi phí y tế của người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này.				
3.3. Điều trị Tình trạng bẩm sinh/di truyền trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000
3.4. Điều trị Biến chứng thai sản/lần mang thai	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000

QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM: *(tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm)*

B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
Phạm vi địa lý	Không áp dụng	Việt Nam			
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng		**5.000.000**	**10.000.000**	**15.000.000**	**25.000.000**
1. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại/Lần khám		1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.500.000
2. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học thay thế/Năm hợp đồng		1.500.000	2.500.000	4.000.000	6.500.000

C. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
Phạm vi địa lý	Không áp dụng			Việt Nam	
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng				**10.500.000**	**17.500.000**
1. Chi phí cạo vôi răng/Năm hợp đồng				1.000.000	1.500.000
2. Chi phí Điều trị nha khoa khác (không bao gồm chi phí cầu răng, implant, răng giả tháo lắp, flipper, trám răng bằng vàng và kim loại quý)				Chi phí y tế thực tế	

Lưu ý: Thời gian chờ là thời gian mà các sự kiện bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc răng do Bệnh xảy ra không được chi trả (trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm). Thời gian chờ này được áp dụng như sau:

(i) 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm; hoặc 10 (mười) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm bảo hiểm này; tùy vào sự kiện nào diễn ra trễ hơn.

(ii) 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bảo hiểm này cho những Bệnh đặc biệt.

Ghi chú: Sản phẩm bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 được phê chuẩn theo Công văn số 10322/BTC-QLBH ngày 27/09/2024 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này được ban hành theo Quyết định số 595/GD/Dai-ichi/2024 ngày 03/10/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam. Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn hoặc Quy tắc và Điều khoản bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm	
Năm hợp đồng	**Sản phẩm chính**		**Tổng Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm được phân bổ** (2)	**Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ**	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm			BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (3)		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	BH Hỗ Trợ Viện Phí
1	45.000	4.030	49.030	5.300	5.670	60.000	5.670	1.125
2	45.000	3.590	48.590	5.300	6.110	60.000	6.110	1.125
3	45.000	3.590	48.590	5.300	6.110	60.000	6.110	1.125
4	45.000	3.590	48.590	5.300	6.110	60.000	6.110	1.125
5	45.000	3.590	48.590	5.300	6.110	60.000	6.110	1.125
6	45.000	3.590	48.590	5.300	6.110	60.000	6.110	1.125
7	45.000	3.120	48.120	5.300	6.580	60.000	6.580	1.125
8	45.000	3.120	48.120	5.300	6.580	60.000	6.580	1.125
9	45.000	3.120	48.120	5.300	6.580	60.000	6.580	1.125
10	45.000	3.120	48.120	5.300	6.580	60.000	6.580	1.125
11	45.000	3.120	48.120	5.300	6.580	60.000	6.580	1.125
12	45.000	2.335	47.335	5.625	7.040	60.000	7.040	1.450
13	45.000	2.335	47.335	5.625	7.040	60.000	7.040	1.450
14	45.000	2.335	47.335	5.625	7.040	60.000	7.040	1.450

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm	
Năm hợp đồng	**Sản phẩm chính**		**Tổng Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm được phân bổ** (2)	**Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ**	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm			BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (3)		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	BH Hỗ Trợ Viện Phí
15	45.000	2.335	47.335	5.625	7.040	60.000	7.040	1.450
16	45.000	2.335	47.335	5.625	7.040	60.000	7.040	1.450
17	45.000	935	45.935	5.925	8.140	60.000	8.140	1.750
18	45.000	935	45.935	5.925	8.140	60.000	8.140	1.750
19	45.000	935	45.935	5.925	8.140	60.000	8.140	1.750
20	45.000	935	45.935	5.925	8.140	60.000	8.140	1.750
21							8.140	1.750
22							8.810	2.100
23							8.810	2.100
24							8.810	2.100
25							8.810	2.100
26							8.810	2.100
27							11.030	2.500
28							11.030	2.500

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm	
Năm hợp đồng	**Sản phẩm chính**		**Tổng Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm được phân bổ** (2)	**Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ**	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm			BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (3)		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	BH Hỗ Trợ Viện Phí
29							11.030	2.500
30							11.030	2.500
31							11.030	2.500
32							13.720	3.500
33							13.720	3.500
34							13.720	3.500
35							13.720	3.500
36							13.720	3.500
37							21.130	4.500
38							21.130	4.500
39							21.130	4.500
40							21.130	4.500
41							21.130	4.500
42							29.660	5.500

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm							Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm	
Năm hợp đồng	**Sản phẩm chính**		**Tổng Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm được phân bổ** (2)	**Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ**	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm			BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 (3)		BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	BH Hỗ Trợ Viện Phí
43							29.660	5.500
44							29.660	5.500
45							29.660	5.500

Ghi chú:

- *Khách hàng cần duy trì đóng phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ có phí bảo hiểm không được phân bổ (BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7) trong suốt thời hạn bảo hiểm của các sản phẩm này. Các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực nếu phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ hoặc khi sản phẩm chính bị chấm dứt hiệu lực.*
- *Bảng **"Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm hàng năm"** nhằm mục đích thông tin cho khách hàng phí bảo hiểm và kế hoạch đóng phí dự kiến hàng năm của khách hàng.*
- *Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.*
- *Số tiền thể hiện ở cột **"Phí bảo hiểm thay đổi hàng năm - BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7"** bao gồm Quyền lợi Điều trị nội trú, Quyền lợi Điều trị ngoại trú và Quyền lợi Chăm sóc răng (nếu Khách hàng có chọn lựa tham gia thêm).*

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN THỊNH ĐẦU TƯ

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

QUYỀN LỢI BẢO VỆ	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QLBH	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong.	Nhận 3.000.000.000 đồng cộng Giá trị quỹ hợp đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65.	Thêm 600.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65.	Nhận 3.000.000.000 đồng cộng Giá trị quỹ hợp đồng.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH Tử vong. *Điều kiện:* ● *Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và* ● *Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm.*	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng/NĐBH.
Quyền lợi Đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng	Trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên, với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ, đúng hạn nhưng Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để chi trả các khoản Khoản khấu trừ hàng tháng (Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng).	Đảm bảo không mất hiệu lực hợp đồng trong 2 Năm hợp đồng đầu tiên.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	
Quyền lợi hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ liên kết đơn vị	Giá trị quỹ hợp đồng được hưởng kết quả đầu tư thực tế của (các) Quỹ liên kết đơn vị được công bố tại các Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần, cụ thể là ngày Thứ Tư. **Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ Khách hàng lựa chọn** Tỷ lệ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) được phân bổ vào (các) Quỹ liên kết đơn vị như sau:

Phí bảo hiểm/Tên Quỹ	Dẫn đầu	Tài chính năng động	Tăng trưởng	Phát triển	Bảo toàn
Phí bảo hiểm cơ bản	0%	0%	100%	0%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	0%	0%	100%	0%	0%

QUYỀN LỢI KHÁC	**SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QLBH**	**QUYỀN LỢI**
Quyền lợi Thưởng Duy trì hợp đồng	Vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 3 và đều đặn vào mỗi 3 năm sau đó đến Năm hợp đồng thứ 21. *Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và đúng hạn trong 3 năm liền kề trước thời điểm xét thưởng.*	Nhận 3,0% Giá trị quỹ hợp đồng tại thời điểm xem xét tương ứng.
Quyền lợi đáo hạn	Nhận toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có).	

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	**QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn**	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CAO CẤP TOÀN DIỆN	**QLBH Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ**	Nhận 50% STBH khi mắc 1 trong 35 Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ. Quyền lợi bảo hiểm này sẽ được chi trả cho hai (02) Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ thuộc các nhóm bệnh khác nhau.
	QLBH Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng	Nhận 100% STBH khi mắc 1 trong 53 Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng. Khấu trừ quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ trong cùng nhóm bệnh đã được chi trả trước đó (nếu có).

BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	**QLBH Hỗ trợ viện phí**	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/Đợt nằm viện, 100 ngày/Năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại Khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/Đợt nằm viện và 50 ngày/Năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/Đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/Đợt nằm viện, 5 lần điều trị/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/Năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.	

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc các Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ AN THỊNH ĐẦU TƯ	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Điều 21 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	Tham khảo tại Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	Tham khảo tại Điều 4 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc các Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

CÁC KHOẢN PHÍ VÀ CHI PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

- **Phí bảo hiểm cơ bản**

  Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong giấy Chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi bổ sung (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có).

- **Phí bảo hiểm đóng thêm**

  Là khoản tiền mà ngoài phần Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm phí bảo hiểm để mua các Đơn vị quỹ.

- **Phí bảo hiểm được phân bổ** (hay "Phí đem đi đầu tư")

  Là phần phí bảo hiểm được đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị để mua Đơn vị quỹ, sau khi đã trừ đi Chi phí ban đầu.

- **Chi phí ban đầu** *(hay "Phí ban đầu") (Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/phí khai thác của sản phẩm bổ sung/bổ trợ)*

  Sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	Kể từ năm thứ 5 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ sung/bổ trợ)	75%	55%	30%	20%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	5%				

- **Chi phí bảo hiểm rủi ro** (hay "Phí rủi ro")

  Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ thay đổi tùy theo tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm tại thời điểm khấu trừ. Tỷ lệ chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ căn cứ trên giới tính, tuổi hiện tại của Người được bảo hiểm và các nhóm tính phí khác.

- **Chi phí quản lý hợp đồng** (hay "Phí quản lý hợp đồng")

  Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị quỹ hợp đồng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng từng năm thể hiện cụ thể ở bảng "Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng".

- **Chi phí quản lý quỹ** (hay "Phí quản lý quỹ")

  Là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết đơn vị. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản thuần của mỗi Quỹ vào mỗi Ngày định giá. Phí quản lý quỹ của các Quỹ như dưới đây:

Quỹ liên kết đơn vị	Dẫn đầu	Tài chính năng động	Tăng trưởng	Phát triển	Bảo toàn
Chi phí quản lý quỹ mỗi năm	2%	2%	2%	2%	0,5%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

- **Chi phí hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn** (hay "Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn")

Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu huỷ bỏ Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	Từ năm thứ 1 đến 5	6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ phí	100%	80%	60%	40%	20%	0%

*Chi phí huỷ bỏ Hợp đồng bảo hiểm = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó.*

- **Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng** (hay "Phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng")

Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị quỹ hợp đồng. Tỷ lệ tính Chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí huỷ bỏ Hợp đồng bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị quỹ hợp đồng.

- **Chi phí chuyển đổi quỹ** (hay "Phí chuyển đổi quỹ")

Trong mỗi Năm hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ miễn Chi phí chuyển đổi quỹ cho 4 lần chuyển đổi, kể từ lần chuyển đổi quỹ thứ 5 trở đi, Chi phí chuyển đổi Quỹ là 50.000 đồng/lần.

Lưu ý: Phí ban đầu, Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng, Phí quản lý quỹ, Phí hủy bỏ hợp đồng trước hạn, Phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng và Phí chuyển đổi quỹ không áp dụng tính cho sản phẩm Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7.

HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Thông tin về các Quỹ liên kết đơn vị

Các Quỹ liên kết đơn vị và mục tiêu đầu tư	Lĩnh vực đầu tư	Tỷ trọng đầu tư		Mức độ tăng trưởng và rủi ro
		Mức tối thiểu	Mức tối đa	
Quỹ Dẫn đầu: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	30 cổ phiếu hàng đầu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gởi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tài chính năng động: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính và ngân hàng.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gởi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Tăng trưởng: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	80%	100%	Cao
	Trái phiếu chính phủ, tiền gởi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	0%	20%	
Quỹ Phát triển: mang lại các cơ hội đầu tư với sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng từ trung đến dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu và các hình thức đầu tư liên quan đến cổ phiếu.	15%	55%	Từ cao đến vừa phải
	Trái phiếu chính phủ, tiền gởi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	45%	85%	
Quỹ Bảo toàn: mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn cho các nhà đầu tư.	Trái phiếu chính phủ, tiền gởi các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác.	100%		Vừa phải

2. Các Quỹ của bảo hiểm liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư được quản lý bởi các chuyên gia tài chính giàu kinh nghiệm của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN). Việc quản lý tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị được giám sát độc lập bởi Ngân hàng HSBC Việt Nam theo quy định.
3. Tài sản của các Quỹ Liên kết đơn vị sẽ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

4. Giá trị quỹ hợp đồng được tính theo Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm. Giá trị các Đơn vị quỹ phụ thuộc vào sự thay đổi Giá đơn vị quỹ và các chi phí.
5. Giá đơn vị quỹ của mỗi Quỹ đầu tư được xác định bằng cách lấy giá trị tài sản thuần của Quỹ liên kết đơn vị chia cho số Đơn vị quỹ của Quỹ đó và có thể tăng hoặc giảm.

   Kỳ định giá tối thiểu là một lần mỗi tuần, cụ thể là ngày Thứ Tư hàng tuần (*). Trường hợp Thứ Tư là ngày lễ, Ngày định giá sẽ là ngày làm việc tiếp theo. Giá đơn vị quỹ sẽ được công bố trên website www.dai-ichi-life.com.vn hoặc Khách hàng vui lòng tham khảo tại tất cả các Trung tâm phục vụ khách hàng của Dai-ichi Life Việt Nam trên toàn quốc.

   (*) Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo đến Khách hàng nếu có thay đổi Ngày định giá.
6. Những thay đổi về Giá đơn vị quỹ phản ánh tình hình đầu tư của Quỹ tương ứng. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả (lỗ/ lời) và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.** Khách hàng lựa chọn Quỹ liên kết đơn vị để đầu tư tùy theo nhu cầu và khả năng chấp nhận rủi ro của mình.
7. Dai-ichi Life Việt Nam được phép sử dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi bảo hiểm của Khách hàng:
   a. Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
   b. Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
   c. Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có;
   d. Ngừng định giá Quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp sở/trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
   e. Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.
8. Đối với các biện pháp (a), (b), (c), (e) tại Mục 7: Dai-ichi Life Việt Nam sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản 3 ngày trước khi áp dụng.
9. Số dư Đơn vị quỹ của Quỹ sẽ tăng/giảm Đơn vị quỹ từ các nghiệp vụ mua mới hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:
   a. Các trường hợp liên quan đến việc mua mới các Đơn vị quỹ: Nộp Phí bảo hiểm; Nhận khoản Thưởng duy trì hợp đồng; Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác.
   b. Các trường hợp liên quan đến việc bán các Đơn vị quỹ: Chuyển Đơn vị quỹ từ Quỹ này sang Quỹ khác; Trả Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng, các loại phí khác có liên quan đến Quỹ và các Khoản nợ; Thanh toán quyền lợi bảo hiểm; Rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị quỹ hợp đồng.
10. Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển một phần hoặc toàn bộ giá trị các Đơn vị quỹ từ Quỹ liên kết đơn vị này sang (các) Quỹ liên kết đơn vị khác theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm; nếu đáp ứng các điều kiện được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

11. Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các Quỹ liên kết đơn vị

Năm	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn
2019	Thành lập tháng 04/2022		7,53%	11,95%	6,29%
2020			19,60%	15,19%	6,16%
2021			31,02%	13,88%	4,70%
2022	-27,17% (*)	-26,13% (*)	-24,62%	-11,32%	4,74%
2023	11,94%	27,22%	11,77%	10,20%	6,91%
Tỷ suất đầu tư quy năm trong 5 năm (2019-2023)	-11,45% (**)	-3,63% (**)	7,26%	7,49%	5,75%
Tỷ suất đầu tư tích lũy trong 5 năm (2019-2023)	-18,47% (**)	-6,02% (**)	41,97%	43,52%	32,29%

(*) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2022

(**) Từ 27/04/2022 đến 31/12/2023

Ghi chú: Việc liệt kê các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán hoặc các khoản phí khác có thể sẽ được tính thêm cho Bên mua bảo hiểm được thể hiện tại Phần tóm tắt các loại chi phí và theo quy định pháp luật.

Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN

(BAO GỒM SẢN PHẨM CHÍNH VÀ CÁC SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ CÓ PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ)

Tỷ suất đầu tư dự kiến	Quỹ Dẫn đầu		Quỹ Tài chính năng động		Quỹ Tăng trưởng		Quỹ Phát triển		Quỹ Bảo toàn	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao
	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	4,0%	7,2%	3,5%	6,5%

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	**Phí bảo hiểm**			**Phí ban đầu**			**Phí đem đi đầu tư**			**Phí quản lý hợp đồng**	**Phí bảo hiểm rủi ro**	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1	50.300	4.030	54.330	37.725	202	37.927	12.575	3.829	16.404	540	8.531	8.531
2	50.300	3.590	53.890	27.665	180	27.845	22.635	3.411	26.046	540	8.706	8.706
3	50.300	3.590	53.890	15.090	180	15.270	35.210	3.411	38.621	540	8.960	8.960
4	50.300	3.590	53.890	10.060	180	10.240	40.240	3.411	43.651	540	9.256	9.256
5	50.300	3.590	53.890	1.509	180	1.689	48.791	3.411	52.202	540	9.620	9.620
6	50.300	3.590	53.890	1.509	180	1.689	48.791	3.411	52.202	540	10.081	10.081
7	50.300	3.120	53.420	1.509	156	1.665	48.791	2.964	51.755	540	10.591	10.591
8	50.300	3.120	53.420	1.509	156	1.665	48.791	2.964	51.755	540	11.406	11.406
9	50.300	3.120	53.420	1.509	156	1.665	48.791	2.964	51.755	540	12.091	12.091
10	50.300	3.120	53.420	1.509	156	1.665	48.791	2.964	51.755	540	12.881	12.881
11	50.300	3.120	53.420	1.509	156	1.665	48.791	2.964	51.755	540	13.765	13.765

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

12	50.625	2.335	52.960	1.519	117	1.636	49.106	2.218	51.325	540	15.018	15.018
13	50.625	2.335	52.960	1.519	117	1.636	49.106	2.218	51.325	540	16.058	16.058
14	50.625	2.335	52.960	1.519	117	1.636	49.106	2.218	51.325	540	17.233	17.233
15	50.625	2.335	52.960	1.519	117	1.636	49.106	2.218	51.325	540	18.618	18.618
16	50.625	2.335	52.960	1.519	117	1.636	49.106	2.218	51.325	540	19.924	19.924
17	50.925	935	51.860	1.528	47	1.575	49.397	888	50.286	540	21.760	21.760
18	50.925	935	51.860	1.528	47	1.575	49.397	888	50.286	540	23.266	23.266
19	50.925	935	51.860	1.528	47	1.575	49.397	888	50.286	540	24.930	24.930
20	50.925	935	51.860	1.528	47	1.575	49.397	888	50.286	540	26.626	26.626

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ| Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1|30	54.330	16.404	3.008.373			8.373								8.373	
2|31	53.890	26.046	3.027.825			27.825								27.825	
3|32	53.890	38.621	3.064.342			62.468					1.874			64.342	
4|33	53.890	43.651	3.107.445			107.445								107.445	
5|34	53.890	52.202	3.163.366			163.366								163.366	
6|35	53.890	52.202	3.230.551			223.836					6.715			230.551	
7|36	53.420	51.755	3.296.047			296.047								296.047	
8|37	53.420	51.755	3.366.584			366.584								366.584	
9|38	53.420	51.755	3.456.033			442.750					13.283			456.033	
10|39	53.420	51.755	3.539.422			539.422								539.422	
11|40	53.420	51.755	3.629.390			629.390								629.390	
12|41	52.960	51.325	3.747.443			725.673					21.770			747.443	
13|42	52.960	51.325	3.853.259			853.259								853.259	
14|43	52.960	51.325	3.967.368			967.368								967.368	

15|44	52.960	51.325	4.123.004			1.090.296					32.709			1.123.004	
16|45	52.960	51.325	4.258.571			1.258.571								1.258.571	
17|46	51.860	50.286	4.403.281			1.403.281								1.403.281	
18|47	51.860	50.286	4.606.219			1.559.436					46.783			1.606.219	
19|48	51.860	50.286	4.778.895			1.778.895								1.778.895	
20|49	51.860	50.286	4.965.334			1.965.334								1.965.334	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

2.2 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ| Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1|30	54.330	16.404	3.007.390			7.390								7.390	
2|31	53.890	26.046	3.024.332			24.332								24.332	
3|32	53.890	38.621	3.055.353			53.741					1.612			55.353	
4|33	53.890	43.651	3.089.677			89.677								89.677	
5|34	53.890	52.202	3.132.400			132.400								132.400	
6|35	53.890	52.202	3.180.120			174.874					5.246			180.120	
7|36	53.420	51.755	3.221.873			221.873								221.873	
8|37	53.420	51.755	3.263.018			263.018								263.018	
9|38	53.420	51.755	3.312.792			303.682					9.110			312.792	
10|39	53.420	51.755	3.352.913			352.913								352.913	
11|40	53.420	51.755	3.392.347			392.347								392.347	
12|41	52.960	51.325	3.443.199			430.290					12.909			443.199	
13|42	52.960	51.325	3.480.353			480.353								480.353	
14|43	52.960	51.325	3.516.514			516.514								516.514	
15|44	52.960	51.325	3.568.012			551.468					16.544			568.012	
16|45	52.960	51.325	3.601.914			601.914								601.914	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

17|46	51.860	50.286	3.633.101			633.101								633.101	
18|47	51.860	50.286	3.682.821			662.933					19.888			682.821	
19|48	51.860	50.286	3.711.233			711.233								711.233	
20|49	51.860	50.286	3.738.087			738.087								738.087	

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

MINH HỌA PHÂN BỔ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

(BAO GỒM SẢN PHẨM CHÍNH VÀ CÁC SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ CÓ PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỔ)

Tỷ suất đầu tư dự kiến	Quỹ Dẫn đầu		Quỹ Tài chính năng động		Quỹ Tăng trưởng		Quỹ Phát triển		Quỹ Bảo toàn	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao
	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	0,5%	9,0%	4,0%	7,2%	3,5%	6,5%

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	**Phí bảo hiểm**			**Phí ban đầu**			**Phí đem đi đầu tư**			**Phí quản lý hợp đồng**	**Phí bảo hiểm rủi ro**	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư cao	Tại tỷ suất đầu tư thấp
1	50.300	4.030	54.330	37.725	202	37.927	12.575	3.829	16.404	540	8.531	8.531
2	50.300	3.590	53.890	27.665	180	27.845	22.635	3.411	26.046	540	8.706	8.706
3	50.300	3.590	53.890	15.090	180	15.270	35.210	3.411	38.621	540	8.960	8.960
4	50.300	3.590	53.890	10.060	180	10.240	40.240	3.411	43.651	540	9.256	9.256
5										540	9.620	9.620
6										540	10.081	10.081
7										540	10.591	10.591
8										540	11.406	11.406
9										540	12.091	12.091
10										540	12.881	12.881
11										540	13.765	13.765

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

12										540	15.018	(*)
13										540	16.058	
14										540	17.233	
15										540	18.618	
16										540	19.924	
17											(*)	

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để khấu trừ các loại phí hàng tháng.

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

2.1 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ| Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản) (A)+(B)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1|30	54.330	16.404	3.008.373			8.373								8.373	
2|31	53.890	26.046	3.027.825			27.825								27.825	
3|32	53.890	38.621	3.064.342			62.468					1.874			64.342	
4|33	53.890	43.651	3.107.445			107.445								107.445	
5|34			3.106.466			106.466								106.466	
6|35			3.104.916			104.916								104.916	
7|36			3.102.692			102.692								102.692	
8|37			3.099.414			99.414								99.414	
9|38			3.095.122			95.122								95.122	
10|39			3.089.616			89.616								89.616	
11|40			3.082.689			82.689								82.689	
12|41			3.073.824			73.824								73.824	
13|42			3.063.071			63.071								63.071	
14|43			3.050.119			50.119								50.119	
15|44			3.034.550			34.550								34.550	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

16|45			3.016.212			16.212								16.212	
17|46				(**)											

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

(**) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để khấu trừ các loại phí hàng tháng.

2.2 Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ| Tuổi của NĐ BH	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	MINH HỌA QUYỀN LỢI Ở MỨC TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO)										Tổng Giá trị quỹ hợp đồng (Giá trị tài khoản)	Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi đầu tư (A)					Thưởng duy trì hợp đồng (B)						
				Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn		
1|30	54.330	16.404	3.007.390			7.390								7.390	
2|31	53.890	26.046	3.024.332			24.332								24.332	
3|32	53.890	38.621	3.055.353			53.741					1.612			55.353	
4|33	53.890	43.651	3.089.677			89.677								89.677	
5|34			3.079.937			79.937								79.937	
6|35			3.069.687			69.687								69.687	
7|36			3.058.874			58.874								58.874	
8|37			3.047.190			47.190								47.190	
9|38			3.034.761			34.761								34.761	
10|39			3.021.477			21.477								21.477	
11|40			3.007.241			7.241								7.241	
12|41				(**)											

(*) Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị quỹ hợp đồng; trong đó, chỉ có Số tiền bảo hiểm là đảm bảo, còn Giá trị quỹ hợp đồng sẽ không được đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.

(**) Hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị quỹ hợp đồng không đủ để khấu trừ các loại phí hàng tháng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI: Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Quyền lợi này là không đảm bảo và phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết đơn vị.	Năm hợp đồng	**Trường hợp đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến**		**Trường hợp đóng Phí bảo hiểm trong thời gian bắt buộc**	
		Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
	1	-	-	-	-
	2	-	-	-	-
	3	12.168.300 đồng	3.440.900 đồng	12.168.300 đồng	3.440.900 đồng
	4	57.145.400 đồng	39.376.600 đồng	57.145.400 đồng	39.376.600 đồng
	5	113.065.800 đồng	82.099.500 đồng	56.166.300 đồng	29.637.100 đồng
	6	183.596.200 đồng	134.634.100 đồng	64.676.300 đồng	29.446.900 đồng
	7	265.867.200 đồng	191.693.300 đồng	72.512.000 đồng	28.694.000 đồng
	8	346.463.700 đồng	242.898.100 đồng	79.293.600 đồng	27.069.900 đồng
	9	432.690.300 đồng	293.621.600 đồng	85.061.900 đồng	24.700.500 đồng
	Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với Giá trị quỹ hợp đồng.				
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI TẠI CUỐI NĂM HỢP ĐỒNG THỨ 20	Tổng số phí đóng dự kiến	1.063.120.000 đồng		216.000.000 đồng	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0 đồng		0 đồng	
	Số tiền nhận cuối Năm hợp đồng thứ 20	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp	Tỷ suất đầu tư cao	Tỷ suất đầu tư thấp
		1.965.334.200 đồng	738.087.300 đồng	0 đồng HĐ mất hiệu lực năm 17	0 đồng HĐ mất hiệu lực năm 12

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Ghi chú:

- *Theo Phụ lục triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư (ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, "Minh họa phân bổ phí và quyền lợi bảo hiểm" chỉ minh họa quyền lợi trong 20 năm, nhưng nếu Khách hàng vẫn tiếp tục duy trì Hợp đồng bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm của Khách hàng vẫn tiếp tục có hiệu lực thì các Quỹ sẽ vẫn tiếp tục được đầu tư và có thể sinh lời sau đó.*
- *Số tiền thể hiện ở cột "Tổng Phí bảo hiểm" đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, Phí bảo hiểm đóng thêm và Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ có Phí bảo hiểm được phân bổ vào Giá trị quỹ hợp đồng (không bao gồm Phí bảo hiểm của sản phẩm Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7).*
- *Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro (hay "Phí rủi ro") của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ có Phí bảo hiểm được phân bổ vào Giá trị quỹ hợp đồng và Chi phí quản lý hợp đồng (hay "Phí quản lý hợp đồng").*
- *Phí bảo hiểm rủi ro trong Tài liệu minh họa bán hàng này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.*
- *Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị quỹ hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.*
- *Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị quỹ hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị quỹ hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị quỹ hợp đồng.*
- *Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.*
- *Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Giá trị quỹ hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, giá đơn vị quỹ, ... Để biết thông tin Giá trị quỹ hợp đồng và tình trạng Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website https://kh.dai-ichi-life.com.vn/ hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect. Giá trị quỹ hợp đồng có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của (các) Quỹ liên kết đơn vị.*
- *Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên Giá trị quỹ hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.*
- *Tỷ suất đầu tư dự kiến các Quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức tỷ suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai.*

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị An Thịnh Đầu Tư là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được đảm bảo khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá mua Đơn vị quỹ vào Ngày định giá tiếp theo ngay sau ngày hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Chi phí hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Bên mua bảo hiểm có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo Hợp đồng bảo hiểm của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các giá trị trong Tài liệu minh họa bán hàng này là không cam kết và chỉ nhằm mục đích minh họa.
- Các loại Chi phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Chi phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm/sản phẩm bảo hiểm. Theo đó, Dai-ichi Life Việt Nam không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào và hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm sau khi khấu trừ chi phí hợp lý.

  Bằng việc ký vào Tài liệu minh họa bán hàng này/Phiếu xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, Bên mua bảo hiểm đồng ý rằng chi phí hợp lý bị trừ được xác định bằng tổng chi phí hợp lý của tất cả Năm hợp đồng kể từ Năm hợp đồng 1 cho đến thời điểm Dai-ichi Life Việt Nam hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm/sản phẩm bảo hiểm. Chi phí hợp lý của mỗi Năm hợp đồng được xác định dựa trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản mà Bên mua bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm chính và tất cả sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có), cụ thể như sau:

Năm hợp đồng	**1**	**2**	**Từ Năm hợp đồng thứ 3 trở đi**
% Phí bảo hiểm cơ bản đã đóng tại từng Năm hợp đồng	90%	10%	5%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn.

2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng nêu trên.

3- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi Giá trị quỹ hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá của các Đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của (các) Quỹ liên kết đơn vị không được đảm bảo. Giá trị quỹ hợp đồng tùy thuộc vào Giá đơn vị quỹ tại từng thời điểm, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
- Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực một trong hai trường hợp sau: (i) Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc (ii) khi Giá trị quỹ hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) từ Năm hợp đồng thứ 3 trở đi.

4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.

5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/_____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Ngày ký: ____/____/_____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Trương Thị Thu Lụa

Mã số đại lý: 232508

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

CÂU HỎI	ĐIỂM
Câu 1: Quý khách đang ở độ tuổi nào? a. 50 tuổi trở lên	☐ 1 điểm
b. Từ 40 đến dưới 50 tuổi	☐ 2 điểm
c. Từ 30 đến dưới 40 tuổi	☑ 3 điểm
d. Dưới 30 tuổi	☐ 4 điểm
Câu 2: Vui lòng cho biết trình độ học vấn của Quý khách a. Dưới Trung Học Cơ Sở	☐ 1 điểm
b. Trung Học Cơ Sở/Trung Học Phổ Thông	☐ 2 điểm
c. Cao Đẳng/Đại Học/Sau Đại Học	☑ 3 điểm
Câu 3: Nhận xét về kiến thức và kinh nghiệm về đầu tư, Quý khách tự đánh giá về mình như thế nào? a. Không có/Chưa có bất kỳ kinh nghiệm/kiến thức đầu tư	☐ 1 điểm
b. Rất ít kinh nghiệm/kiến thức đầu tư	☑ 2 điểm
c. Có ít kinh nghiệm/kiến thức đầu tư nhưng cần hỗ trợ thêm	☐ 3 điểm
d. Là nhà đầu tư có kinh nghiệm/kiến thức và hoạt động hiệu quả	☐ 4 điểm

Câu 4: Mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của Quý khách như thế nào? a. Không muốn nhận bất kỳ rủi ro nào	☐ 1 điểm
b. Chấp nhận một ít rủi ro để có khả năng sinh lợi	☐ 2 điểm
c. Chấp nhận rủi ro cao hơn để có khả năng sinh lợi cao hơn	☑ 3 điểm
d. Chấp nhận mọi rủi ro của thị trường để đạt khả năng sinh lợi cao nhất	☐ 4 điểm
Câu 5: Quý khách dự định đầu tư cho nguồn vốn hiện có trong bao lâu? a. Dưới 5 năm	☐ 1 điểm
b. Từ 5 năm đến 10 năm	☐ 2 điểm
c. Trên 10 năm	☑ 3 điểm
Câu 6: Đối với các khoản đầu tư trong vòng 1 năm của Quý khách, mức biến động lên xuống của tỷ suất đầu tư nào dưới đây Quý khách có thể chấp nhận được? a. Khoảng 5%	☐ 1 điểm
b. Khoảng 15%	☑ 2 điểm
c. Khoảng 25%	☐ 3 điểm
d. Trên 25%	☐ 4 điểm
TỔNG ĐIỂM	**16 điểm**

MỨC ĐỘ CHẤP NHẬN RỦI RO

Cá nhân	Mức độ chấp nhận rủi ro	Các Quỹ nên tập trung
Dưới 9 điểm	☐ Thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn; hoặc Kết hợp Quỹ Bảo toàn và Quỹ Phát triển
9 - 11 điểm	☐ Tương đối thận trọng về đầu tư	Quỹ Bảo toàn và Quỹ Phát triển
12 - 14 điểm	☐ Cân bằng về đầu tư	Quỹ Phát triển
15 - 18 điểm	☑ Tương đối mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Phát triển và Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động
19 - 22 điểm	☐ Mạo hiểm về đầu tư	Quỹ Tăng trưởng/Quỹ Dẫn đầu/Quỹ Tài chính năng động

Lưu ý: Các khách hàng **có mức độ chấp nhận rủi ro ở mức "thận trọng" hoặc trên 60 tuổi hoặc không có/chưa có bất kỳ kinh nghiệm/kiến thức đầu tư** nào nên ***cân nhắc không tham gia*** *Quỹ Tăng trưởng, Quỹ Dẫn đầu, Quỹ Tài chính năng động.*

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ LỜI/LỖ VÀ KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM. KHÁCH HÀNG HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Các Quỹ được Bên mua bảo hiểm quyết định lựa chọn:

Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ	Quỹ Dẫn đầu	Quỹ Tài chính năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Phát triển	Quỹ Bảo toàn
%	0%	0%	100%	0%	0%

Tôi/Chúng tôi hiểu rõ rằng bảng câu hỏi này là công cụ hỗ trợ giúp Tôi/Chúng tôi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư của mình thông qua các câu hỏi và trả lời trắc nghiệm. Tôi/Chúng tôi đã được tư vấn, giải thích rõ ràng và hiểu được mức độ phù hợp của sản phẩm với nhu cầu tài chính của bản thân cũng như các rủi ro có thể xảy ra khi tham gia sản phẩm và quyết định chọn các quỹ này. Quyết định cuối cùng về việc chọn Quỹ nào để đầu tư hoàn toàn là quyết định riêng của Tôi/Chúng tôi. Tôi/Chúng tôi cam kết chấp nhận mọi rủi ro đầu tư từ (các) Quỹ mà mình đã chọn nêu trên.

Ngày ký: _____/_____/_____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Ngày ký: _____/_____/_____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Trương Thị Thu Lụa

Mã số đại lý: 232508